SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT-TỔNG HỢP AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS** Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01074** Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2						Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng	Ân	08/08/1996				9	10.0	10.0					10.0		9.9
2	2453801010002	Dương Thị Kim	Chi	01/01/1990				8	8.0	9.0					10.0		9.4
3	2453801010003	Lâm Văn Út	Dức	10/08/1988				8	9.0	10.0					8.0		8.5
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	24/03/1992				6	5.0	5.0					0.0		2.1
5	2453801010005	Đặng Nguyễn Xuân	Dương	09/03/2007				0	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0
6	2453801010006	Trần Cường	Em	03/10/1993				8	5.0	5.0					8.0		7.0
7	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	20/05/1991				8	8.0	8.0					10.0		9.2
8	2453801010008	Lê Huỳnh	Hảo	28/06/1983				8	10.0	5.0					7.0		7.2
9	2453801010009	Lê Hùng	Hào	13/08/1995				9	7.0	5.0					7.0		6.8
10	2453801010010	Trần Vĩ	Khang	06/11/2004				9	10.0	7.0					9.0		8.8
11	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh	Khoa	31/08/2008				8	5.0	8.0					5.0		5.7
12	2453801010012	Nguyễn Tuấn	Kiệt	07/04/1998				9	9.0	9.0					10.0		9.6
13	2453801010013	Phan Hoàng Phú	Lãm	22/12/2001				9	10.0	10.0					10.0		9.9
14	2453801010014	Nguyễn Thị Thuỳ	Liên	19/08/2003				8	7.0	7.0					10.0		8.9
15	2453801010015	Trần Thị Mỹ	Linh	21/06/2007				9	10.0	8.0					0.0		3.6
16	2453801010016	Võ Quang	Linh	05/02/1987				6	8.0	5.0					5.0		5.6
17	2453801010017	Đỗ Thành	Lợi	10/10/2004				9	10.0	8.0					9.0		9.0
18	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học	Luật	20/10/1987				7	5.0	5.0					5.0		5.2
19	2453801010019	Lâm Thị Trúc	Ly	01/01/1989				9	7.0	8.0					7.0		7.3
20	2453801010020	Huỳnh Thị Thu	Lý	28/06/1992				8	6.0	6.0					10.0		8.6
21	2453801010021	Hứa Hoàng	Nam	04/11/1982				8	6.0	5.0					6.0		6.0
22	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên	Nga	06/02/1987				8	6.0	5.0					10.0		8.4
23	2453801010023	Châu Thi Lan	Ngọc	15/10/2001				6	5.0	5.0					8.0		6.9
24	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20/04/2006				8	8.0	5.0					8.0		7.5
25	2453801010025	Lư Hoàng	Phương	19/03/1999				8	10.0	8.0					10.0		9.5
26	2453801010026	Chau	Thi	03/03/1998				7	7.0	5.0					5.0		5.5
27	2453801010027	Nguyễn Tấn	Thủ	01/01/1982				6	5.0	5.0					10.0		8.1
28	2453801010028	Ngô Lê Thái	Thuận	08/05/2004				9	10.0	8.0					10.0		9.6
29	2453801010029	Khưu Thị Thanh	Thuý	11/11/1999				8	8.0	10.0					8.0		8.3
30	2453801010030	Nguyễn Ngọc	Trí	01/04/1995				9	10.0	10.0					10.0		9.9
31	2453801010031	Nguyễn Thanh	Tùng	10/07/1987				8	10.0	10.0					10.0		9.8
32	2453801010032	Hà Thị Kim	Tuyền	20/02/1998				8	7.0	10.0					9.0		8.8
33	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/01/1979				8	8.0	8.0					9.0		8.6
34	2453801010034	Dương Quốc	Vũ	06/09/1994				8	10.0	10.0					8.0		8.6
35	2453801010035	Khưu Thuý	Vy	05/02/2005				8	9.0	10.0					10.0		9.7

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ

Châu Đốc, ngày 2 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Ths. Trần Thanh Dũng

Giáo viên giảng dạy

Phạm Phúc Lâm